

TITLE: The Global System of Intellectual Property Protection for Technology: A Neo-Colonial Essence in the Narrative of Development?

ABSTRACT

This paper investigates the hypothesis that the international system for protecting Intellectual Property Rights (IPR) in technology embodies neo-colonialism, with a specific focus on its economic implications for emerging powers, particularly China. The study argues that developed nations maintain a monopoly over the establishment of global IPR standards—primarily through agreements like TRIPS enforced by the WTO and backed by political pressure and trade threats (e.g., US Section 301 and GSP). This institutional structure is designed to safeguard the economic dominance of technology-owning nations.

The analysis highlights that this IPR regime controls the global flow of technology, allowing developed countries to sustain market monopolies and extract substantial financial value. This is clearly demonstrated in the case of China, which is identified as a major user of foreign intellectual property. Chinese entities are compelled to pay billions of dollars in fees for utilizing proprietary technology from countries like the US. Crucially, data shows that between 1999 and 2019, China's payments for the use of US Intellectual Property grew at a rate significantly faster than its own GDP growth. This economic pressure and reliance on foreign technology, enforced by the IPR system, ultimately constrains the independent development of indigenous scientific and technological capacity in nations like China, thereby reinforcing the existing global economic hierarchy and perpetuating the neo-colonial structure of technology transfer.

Keywords: Intellectual Property Rights (IPR), Neo-Colonialism, China, Technology Transfer, Economic Dominance, TRIPS Agreement, Developing Countries, Economic Nationalism, US-China IP Dispute

Danh sách nhóm:

Mai Vũ Thảo My - 2157061035

Võ Ngọc Minh Châu - 2157061085

Nguyễn Cát Doanh - 2157061087

Nguyễn Thị Kim Anh - 2157061082

Nguyễn Đỗ Vân Khanh - 2157061157

TIỂU LUẬN MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ

HỆ THỐNG BẢO HỘ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỀ CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ - BẢN CHẤT TÂN THỰC DÂN TRONG DIỄN NGÔN PHÁT TRIỂN?

I. MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng hiện tại, chuỗi giá trị ngày càng phát triển chồng chéo và rộng khắp trên toàn thế giới. Đây là một cơ hội lớn để các quốc gia đang phát triển từng bước đưa kinh tế đi lên bằng những cơ hội tiếp cận mới về khoa học công nghệ. Tuy nhiên, miếng bánh cơ hội này không trọn vẹn. Các quốc gia phát triển nhận ra rằng, việc các nước nhỏ được chuyển giao đủ công nghệ và dựa vào đó để phát triển mạnh mẽ đe dọa trật tự thế giới hiện tại. Để ngăn chặn điều đó, các nước lớn vừa là thúc đẩy, vừa ép buộc các nước đang phát triển phải chấp nhận và tuân theo những điều khoản về sở hữu trí tuệ nói chung và công nghệ nói riêng.

Tiểu luận hướng đến việc nghiên cứu về tính hợp lý của giả thuyết: Hệ thống bảo hộ quốc tế quyền sở hữu trí tuệ (IPR) về công nghệ đương đại mang bản chất của chủ nghĩa thực dân mới. Tiểu luận sẽ trả lời các câu hỏi: Các quy định quốc gia và quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ đã được thiết lập như thế nào? Những quy định đó mang lại lợi ích cho ai? Có tác động như thế nào đối với sự phân phối giá trị trên toàn cầu?

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1. Sở hữu trí tuệ và việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Sở hữu trí tuệ (IP) là một dạng tri thức mà các quốc gia, tổ chức và doanh nghiệp tìm cách kiểm soát và kiếm lợi nhuận từ nó, mang lại lợi thế cạnh tranh và cho phép doanh nghiệp tạo ra sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. Các loại IP quan trọng nhất là nhãn hiệu, bằng sáng chế và bản quyền.

Sự tương tác giữa nhà cung cấp tài sản trí tuệ và bên sử dụng tài sản trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ sẽ là trọng tâm nghiên cứu của bài tiểu luận. Xét trên quy mô quốc tế, các nước phát triển là bên cung cấp tài sản trí tuệ; trong khi đó, ngoại trừ Trung Quốc

thì phần lớn các quốc gia đang phát triển là bên sử dụng tài sản trí tuệ¹. Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các nước phát triển ở các nước đang phát triển được thực thi qua các doanh nghiệp đa quốc gia.

2. Khung phân tích của lý thuyết về Chủ nghĩa thực dân mới

Sau quá trình phi thực dân hóa, thuật ngữ “chủ nghĩa thực dân mới” (neo-colonialism) ra đời để lý giải sự tồn tại của hiện tượng một hoặc một nhóm quốc gia thống trị có khả năng gây ảnh hưởng lớn hoặc kiểm soát hệ thống kinh tế - chính trị của các quốc gia yếu hơn, nhằm bảo vệ lợi ích cho mình (Osterhammel, 1997, pp. 19–20). Song, bản chất một chiều của mối quan hệ giữa các chủ thể chính không thay đổi nhiều so với phiên bản cổ điển: đều cùng dựa trên việc bóc lột tài nguyên và thừa hưởng thặng dư thương mại.

Một phương tiện để thực thi chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi toàn cầu là các thể chế, đặc biệt là cơ sở pháp lý trong thương mại quốc tế, trong đó bao gồm các IPR (Rahmatian, 2009, p. 42). Đặc điểm quan trọng là các thể chế toàn cầu này là phải cho thấy được tính độc quyền của phương Tây trong việc định hình “luật chơi” chung của thế giới.

Tuy không có định nghĩa rõ ràng (Mommsen, 1982, p. 137), chủ nghĩa thực dân mới trong lĩnh vực cụ thể được xét đến ở đây là công nghệ có thể được xác định thông qua ba chỉ dấu: kiểm soát về kinh tế, về xã hội và về chính trị. Với đầu vào là chế độ bảo hộ sở hữu trí tuệ như hiện nay, đầu ra của chủ nghĩa thực dân về công nghệ là sự bóc lột các nước đang phát triển và làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo trên quy mô quốc tế.

III. NỘI DUNG

1. Các nước phát triển giữ vai trò độc quyền trong việc xây dựng các thể chế toàn cầu để hình thành và phát triển hệ thống bảo hộ quốc tế IPR.

Các nước phát triển đang độc quyền trong việc xây dựng các thể chế toàn cầu - phương tiện chính quyết định hệ thống bảo hộ quốc tế hiện hành về IPR. Các quốc gia sở hữu phần lớn công nghệ của thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản và Liên minh Châu Âu, trong những năm qua đã xây dựng một cơ chế toàn cầu về IPR, bắt nguồn từ một cơ chế mới ở cấp độ đa phương mà Hoa Kỳ đã kết hợp giữa thương mại và IP vào những năm 1980 – “TRIPS agreement”² – của vòng đàm phán Uruguay trong khuôn khổ Thỏa thuận chung về Thuế quan và Thương mại (GATT). TRIPS quy định các tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc bảo vệ IPR giữa tất cả các thành viên của WTO, yêu cầu các nước đang

¹ Khoảng 85% tổng số hồ sơ bằng sáng chế vào năm 2022 diễn ra tại các cơ quan sở hữu trí tuệ của Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Cơ quan Sáng chế châu Âu. Nguồn: WIPO Statistics Database, 2023

² “TRIPS agreement” (Trade Related Aspects of Intellectual Property Rights) – “Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ”

phát triển nâng cao mức độ bảo hộ IPR của mình lên mức tiêu chuẩn được đề ra bởi các nước công nghiệp hóa. Về bản chất, phần lớn tiêu chuẩn này được mô phỏng theo luật nội địa của Hoa Kỳ. Như vậy, WTO ra đời như một cơ quan toàn cầu hóa thực thi các tiêu chuẩn về IP được Hoa Kỳ phê duyệt (Drahos & Braithwaite, 2004, p. 205). Sự xuất hiện của TRIPS là kết quả của các khiếu nại và vận động hành lang được đưa ra bởi các nước phát triển do Hoa Kỳ đứng đầu, nhằm bảo vệ và thực thi IPR của chính họ, tại các quốc gia không thuộc phương Tây và đang phát triển (Rahmatian, 2009, p. 43–44).

Bên cạnh đó, “Nguyên tắc đối xử quốc gia” trong các công ước quốc tế, bao gồm TRIPS, được lập ra nhằm tạo sự ràng buộc lẫn nhau về bảo vệ IPR hiện có phản ánh tính áp đặt của các công ước này lên chính sách quốc gia của các nước thành viên, yêu cầu các nước đang phát triển phải tuân thủ những tiêu chuẩn được đưa ra dựa trên ý chí của phương Tây, bất chấp việc các tiêu chuẩn này có phù hợp với trình độ phát triển, thể chế của các quốc gia đó hay không.

Tính độc quyền, áp đặt trong việc xây dựng các cơ chế quốc tế của các nước phát triển còn thể hiện qua áp lực chính trị. Đơn cử như Hoa Kỳ vẫn tiếp tục ép buộc các nước đang phát triển bằng Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP)³, bên cạnh các biện pháp trừng phạt riêng lẻ theo phần 301 Luật thương mại Hoa Kỳ năm 1974⁴. Những quốc gia không đáp ứng đủ IPR sẽ vào danh sách theo dõi hoặc ưu tiên theo dõi để điều tra và trả đũa thương mại thông qua việc rút lại các phúc lợi, tăng thuế hoặc hạn chế nhập khẩu (Drahos và Braithwaite, 2004, p. 211–213).

³ Hệ thống ưu đãi phổ cập – Generalized System of Preferences (GSP), được Hoa Kỳ bắt đầu vào năm 1976, là kết quả của các cuộc đàm phán liên chính phủ được tổ chức dưới sự bảo trợ của Hội nghị Thương mại và Phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD). Theo đó các nước phát triển cho các nước đang phát triển hưởng chế độ ưu đãi bằng cách giảm hoặc miễn thuế. Chế độ ưu đãi được xây dựng trên cơ sở không có sự phân biệt và không đòi hỏi bất kỳ nghĩa vụ nào từ phía các nước đang phát triển.

Theo các điều khoản của nó, khoảng 140 quốc gia đang phát triển đã được hưởng ưu đãi miễn thuế đối với các sản phẩm cụ thể (khoảng 4000 đến 5000 sản phẩm tại bất kỳ thời điểm nào). Theo thời gian, nhiều nước đang phát triển dần trở nên phụ thuộc vào hình thức phúc lợi thương mại này.

⁴ Phần 301 của luật thương mại Hoa Kỳ năm 1974 được đề ra nhằm thi hành các quyền của Hoa Kỳ theo những thỏa thuận thương mại, đồng thời nhằm quy trách nhiệm cho các hoạt động thương mại nước ngoài không theo cam kết. Phần 301 cho phép đại diện thương mại Mỹ tiến hành mọi hành động thích đáng, bao gồm cả việc trả đũa, nhằm xóa bỏ bất cứ một đạo luật, một chính sách hoặc một hoạt động nào của chính phủ nước ngoài bị xem là vi phạm thỏa thuận thương mại quốc tế, không hợp pháp, không hợp lý, xâm phạm và gây ảnh hưởng không tốt hoặc hạn chế thương mại của Mỹ.

**US trade action against key developing countries in the GATT
between 1984-1993**

Developing Country members of the hardliners opposing intellectual property in the GATT or active in the 10 plus 10 TRIPS negotiating Group or both. ¹	Years between 1984-1993 in which a developing country was the subject of a petition, listed, investigated or had penalties imposed under US 301 or GSP program.
Argentina	1988-1993
Brazil	1985, 1987-1993 (1988*)
Chile	1988-1993
Colombia	1989-1993
Cuba	
Egypt	1989-1993
Hong Kong	**
India	1989-1993 (1992*)
Indonesia	1989, 1990
Malaysia	1989, 1990 1993
Mexico	1987*, 1989
Nicaragua	
Nigeria	
Peru	1992, 1993
Singapore	**
South Korea	1985, 1989, 1992, 1993**
Tanzania	
Thailand	1989*-1993
Uruguay	
Venezuela	1989-1993
Yugoslavia	1989-1991

* Year in which penalties were actually imposed.

** Countries that were given favourable GSP packages because they had improved their intellectual property protection.

Hình 1: Drahos & Braithwaite, 2004, p. 213.

Về phía các quốc gia đang phát triển, họ phản đối các cơ chế bảo hộ IPR hiện hành với cáo buộc rằng các cơ chế này đang gia tăng tính độc quyền và sự thống trị của các quốc gia phát triển. Song, do áp lực chính trị và thiệt hại từ trùng phạt thương mại, đi kèm với sự thiếu suy xét lâu dài về lợi ích quốc gia và thiếu đại diện, thiếu vị thế trong các cuộc đàm phán dẫn đến việc các quốc gia đang phát triển buộc chấp nhận các hiệp ước quốc tế, trong đó có TRIPS. Đây được xem như một biện pháp để thu hút đầu tư nước ngoài và tham gia vào nền kinh tế phát triển (Drahos và Braithwaite, 2002, p. 190), hơn là một sự lựa chọn bình đẳng và tự do.

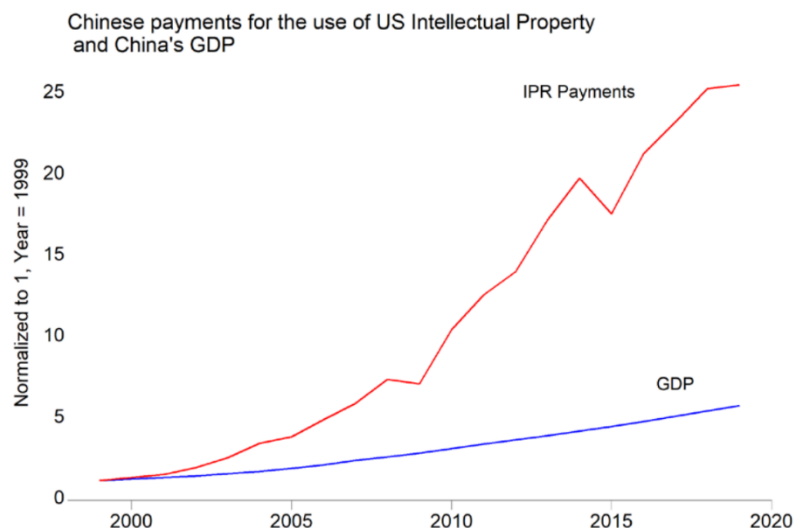
2. Hệ thống bảo hộ quốc tế IPR củng cố sự kiểm soát của các nước phát triển về kinh tế thông qua việc kiểm soát dòng chảy công nghệ toàn cầu

Các quốc gia phương Bắc củng cố sự thống trị về kinh tế của mình thông qua việc kiểm soát và quản lý dòng chảy công nghệ toàn cầu bằng một công cụ đặc lực là hệ thống bảo hộ quốc tế (IPR). Từ đó họ hạn chế được việc tiếp cận, học hỏi của những đối thủ cạnh tranh về những sáng kiến, phát minh trong công nghệ của mình trong một thời gian nhất định. Trong khoảng thời gian đó, họ nắm giữ vị thế độc quyền trong thị trường và đẩy giá sản phẩm cao hơn so với giá biên thực tế (Victor & Nicolas, 2020). Việc này giúp các công ty lấy lại vốn để tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm và lại tham gia vào cạnh tranh với những đối thủ trên dòng sản phẩm. Đồng thời, họ cũng tận dụng cơ hội này để cải tiến công nghệ và đưa ra sản phẩm mới tiến bộ hơn nhằm bảo tồn vị trí dẫn đầu và độc quyền về công nghệ trên thị trường.

Một phương thức khác được các quốc gia phát triển áp dụng là thông qua nguồn đầu tư nước ngoài để quản lý quá trình chuyển giao công nghệ. Với rủi ro về bảo mật công nghệ độc quyền của doanh nghiệp, họ thường có xu hướng chỉ thực hiện một phần quy trình sản xuất tại các quốc gia tiếp nhận và duy trì sản xuất công nghệ lõi tại quốc gia của họ (Young & Lan, 1997). Ngoài ra, máy móc và dây chuyền sản xuất tại các nước tiếp nhận cũng sẽ lỗi thời hơn nhằm đảm bảo cho các quốc gia đang tiếp nhận không thể học hỏi công nghệ độc quyền của thương hiệu. Với cách thức này, giá vốn và chi phí sản xuất của sản phẩm có thể bị ép xuống mức thấp nhất, đồng thời giữ các quốc gia đang phát triển không thể học hỏi công nghệ.

Bên cạnh đó, các cường quốc còn duy trì được lợi ích của mình trong thời gian dài dựa trên việc thu phí công nghệ độc quyền. Đây là chi phí phải trả nếu các quốc gia muốn được cấp bằng sáng chế tự do sử dụng công nghệ. Các công ty Trung Quốc phải trả hàng tỷ đô-la để có thể sử dụng công nghệ đến từ doanh nghiệp Nhật Bản và Hoa Kỳ (Victor & Nicolas, 2020). Chỉ trong năm 2019, Trung Quốc đã chi hơn 34 tỷ đô-la chỉ cho quyền hợp pháp sử dụng IP. Từ biểu đồ bên dưới, số tiền cho IP mà Trung Quốc trả cho Mỹ tăng nhanh hơn cả tốc độ tăng GDP của nước này trong vòng hai thập kỷ gần đây.

Figure 6: Chinese IPR payments to US entities compared to its GDP, 1999 to 2019



Hình 2: Menaldo & Wittstock, 2020

Bên cạnh việc tận dụng được nguồn lực với chi phí rẻ tại các quốc gia phía Nam, các quốc gia phía Bắc cũng thu được một nguồn lợi khổng lồ từ việc cấp bằng sáng chế công nghệ độc quyền. Từ đó thấy rằng, các quốc gia phát triển đang kiểm soát kinh tế toàn cầu thông qua việc tăng cường IPR nhằm thu được nhiều lợi nhuận hơn.

3. Hệ thống bảo hộ quốc tế IPR củng cố sự kiểm soát của các nước phát triển về xã hội ở các nước đang phát triển

Hệ thống bảo hộ quốc tế IPR cho phép các nước phát triển có quyền chi phối dòng chảy thông tin và kiến thức thiết yếu, khiến các nước đang phát triển phải phụ thuộc vào các nước phát triển trong việc giải quyết tác động của những vấn đề toàn cầu trong phạm vi lãnh thổ mình⁵. Do đó, sự mất cân bằng trong quan hệ càng được củng cố.

Lấy ví dụ với đại dịch COVID-19, luật IP góp phần tạo ra sự bất bình đẳng trong khả năng tiếp cận công nghệ vaccine COVID-19 ở các quốc gia đang phát triển (Gold, 2022). Bằng sáng chế vaccine, một dạng của IPR, tạo ra sự độc quyền về sản xuất, dẫn đến giá thành tăng và khả năng tiếp cận với người dân của các nước đang phát triển giảm. Trên danh nghĩa, các điều khoản linh hoạt của TRIPS⁶ cho phép việc miễn trừ quy định phải sở hữu bằng sáng chế trong một thời gian nhất định để nhập khẩu các công nghệ y tế thiết yếu (UNDP, 2015). Tuy nhiên, trên thực tế, quá trình này diễn ra

⁵ Ngoài ra, bằng cách tập trung quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là nhãn hiệu, vào tay các tập đoàn đa quốc gia, các thực thể này ảnh hưởng đến cơ cấu kinh tế - xã hội, gồm toàn bộ quá trình sản xuất, lực lượng lao động, điều kiện làm việc và mức sống của người lao động.

⁶ TRIPS flexibilities

rất chậm và rắc rối, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng COVID-19 (Sekalala et al., 2021, p. 4). Điều này tạo ra sự chênh lệch rõ rệt trong việc tiếp cận vaccine giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển, sản sinh ra sự 'phân biệt chủng tộc về vaccine'.

Hơn nữa, hệ thống IPR hiện tại càng củng cố sự chênh lệch quyền lực khi các nước nghèo thiếu khả năng thương lượng để có được công nghệ vaccine với mức giá cạnh tranh. Điều này kéo dài sự bất bình đẳng về sức khỏe và vi phạm nhân quyền. Các quốc gia đang phát triển thường phải dùng đến việc tăng nợ để mua vaccine, làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng và hạn chế việc thực hiện quyền về sức khỏe.

4. Hệ thống bảo hộ quốc tế IPR củng cố vị thế chính trị của các nước phát triển

Bằng việc thực hành IPR, kinh tế và xã hội các nước nhận chuyển giao công nghệ sẽ phụ thuộc vào các nước nắm công nghệ. Từ sự phụ thuộc kinh tế xã hội phi truyền thống, sự phụ thuộc chính trị sẽ dần được sinh ra. Đây chính là bản chất của chủ nghĩa Thực dân mới, là hệ thống áp đặt một cách phi chính thức lợi ích kinh tế để tạo ra khoảng cách trong vị thế chính trị (Rahmatian, 2009, pp.63-64). IPR là công cụ phù hợp để xác lập trật tự này, nơi mà các nước nắm công nghệ, các quốc gia phương Tây nằm trên các nước bị áp đặt thực hiện IPR và tuân theo các giá trị phương Tây (Rahmatian, 2009, p. 43–44).

Trong bối cảnh nêu trên, việc thúc đẩy sự áp đặt IPR mạnh đóng vai trò như một công cụ để các nước phát triển có thể kiểm soát sự phát triển công nghệ của các nước đang phát triển vào khuôn khổ an toàn. Điều này thể hiện chức năng duy trì trật tự thế giới và địa vị kinh tế, chính trị cho các nước phát triển.

Sự kiểm soát ấy được thể hiện ở hai điểm, thứ nhất, việc duy trì hệ thống IPR khiến trình độ công nghệ của các nước đang phát triển luôn lạc hậu hơn so với các nước đã phát triển (El-Aroui et al, 2021). Việc này khiến cho các nước đang phát triển mắc kẹt trong tình trạng chỉ có thể đóng vai trò là thị trường và nguồn cung nguyên liệu thô cùng nhân công giá rẻ cho các nước đã phát triển, đồng thời gánh chịu các rủi ro.

Thứ hai, việc áp đặt IPR không chỉ khiến cho các quốc gia đang phát triển lạc hậu hơn mà thậm chí đã khiến họ không thể phát triển khả năng nghiên cứu mà phải phụ thuộc vào công nghệ của nhóm đã phát triển (Bhutani, 2016). Sự phụ thuộc này kìm kẹp nội lực tự chủ cũng như sự tích lũy về tài sản trí tuệ để các nước đang phát triển có thể cạnh tranh trong nền kinh tế công nghệ cao.

Cuối cùng, thế độc quyền, một tất yếu sinh ra từ hệ thống bảo hộ IPR (Lowth, 2020) của các tập đoàn công nghệ cao kiểm soát, tác động thị trường để tạo lợi thế thiên vị cho lợi ích của các quốc gia đã phát triển (Boldrin and Levine, 2004). Những điều ấy khiến cho khoảng cách về năng lực công nghệ giữa các quốc gia đang và đã phát triển,

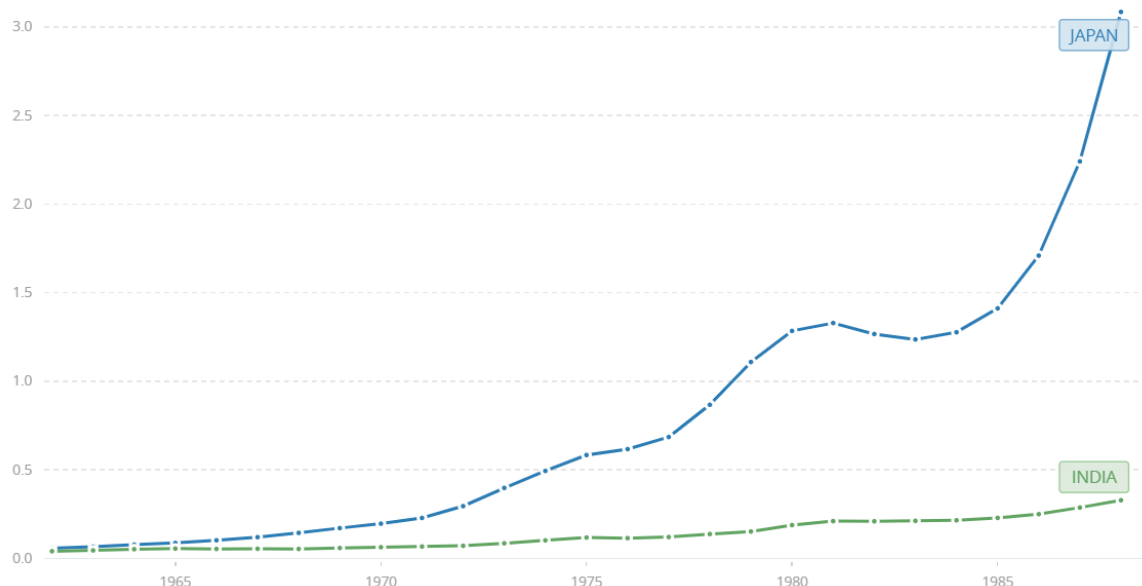
vốn đã không nhỏ, nay lại càng sâu sắc hơn. Từ đó, trật tự hiện hữu sẽ ngày càng khó để thay đổi.

Xét từ góc độ lợi ích, các quốc gia phát triển là nhóm “được lợi” và đang phát triển là nhóm “chịu thiệt”. Sự chênh lệch này khiến khoảng cách giữa hai nhóm ngày càng gia tăng, giúp trật tự thứ bậc cố hữu trong nền kinh tế thế giới được tái kiến thiết. Trong đó, các quốc gia phát triển có ưu thế kinh tế sẽ có cả tiếng nói chính trị quyết định, và các quốc gia đang phát triển không thể làm gì ngoài tuân theo nếu muốn tiếp tục tăng trưởng kinh tế.

5. Phản đề: Phát triển hệ thống bảo vệ IPR mạnh theo tiêu chuẩn phương Tây có thật sự đem lại lợi ích cho các nước đang phát triển?

Có những ý kiến cho rằng IPR không hoàn toàn chỉ là công cụ duy trì quyền lực của các nước lớn. Bản thân nó cũng có lợi cho sự phát triển kinh tế, thu hút đầu tư và cơ hội được tiếp cận công nghệ của các nước đang phát triển. Theo đó, việc duy trì và thúc đẩy IPR cũng như các chính sách khác là một lựa chọn có tính toán hơn là ép buộc.

Thế kỷ XXI đã chứng kiến tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng và mạnh mẽ, đồng thời cũng gắn chặt sự phát triển công nghệ vào tiềm năng phát triển kinh tế. Trước tình hình đó, các nước đang phát triển, vốn không có nền tảng về khoa học kỹ thuật hoàn chỉnh, đã sớm ý thức được cơ hội để nhanh chóng thoát nghèo là tương đối ngắn ngủi mà thời gian để xây dựng toàn bộ nền khoa học kỹ thuật lại quá dài. Nhằm tối ưu lợi ích của mình, các nước này buộc phải dựa vào “những người khổng lồ” và tuân theo luật chơi của hệ thống. Lịch sử đã cho thấy rằng, sau Thế chiến thứ hai, lựa chọn đánh đổi và thuận theo IP đã giúp Nhật Bản kịp “chớp” hàng loạt các cơ hội chuyển giao công nghệ để nhanh chóng vươn lên trở thành nền kinh tế lớn có nền khoa học phát triển. (Hassink, 1997) Trong cùng thời điểm, mặc dù có xuất phát khá tương đồng, song Ấn Độ lại không đạt được sự phát triển tương tự mà có phần chậm chạp, rồi ren một phần đến từ những chính sách thắt chặt kinh tế và bỏ qua những đầu tư khoa học kỹ thuật từ nước ngoài (Tripathi, 1996). Quốc gia này đã mất rất nhiều thời gian để tự hình thành nền khoa học nội địa và mãi đến những năm 1991, khi chính phủ đã bắt đầu tự do hóa nền kinh tế, tiếp nhận các cơ hội chuyển giao công nghệ thì Ấn Độ mới có nhiều khởi sắc (Alam, 1985).



Hình 3: GNI của Nhật và Ấn Độ từ năm 1965-1985. Nguồn: Ngân hàng thế giới

Tuy nhiên, việc chỉ tập trung nhìn vào lợi ích trông thấy của các nước đang phát triển mà bỏ qua các khía cạnh to lớn đằng sau của các nước lớn sẽ khiến khẳng định trên là chưa đủ khách quan. Ngay từ giai đoạn đầu khi các nước nhỏ chấp nhận IP, bắt đầu được đầu tư, tiếp cận công nghệ, họ chưa biết liệu mình có thật sự được chuyển giao công nghệ phù hợp với khả năng phát triển không thì các nước lớn đã đạt được mục đích của mình trong những vấn đề về tìm kiếm công xưởng, thị trường và nguồn tài nguyên mới. Về sau, nếu các nước này có dấu hiệu cho thấy tiềm năng phát triển riêng nền khoa học cho riêng mình, các nước lớn sẽ không ngừng tìm cách thúc đẩy IPR để tránh việc phải chuyển giao công nghệ và đòi hỏi những khoản bồi thường lớn. Từ đó, các nước lớn có thể tiếp tục duy trì vị trí độc tôn của mình. Điều này kìm hãm khả năng có thêm những cú hích lớn hơn trong sự phát triển công nghệ toàn cầu.⁷

IV. KẾT LUẬN

Có thể thấy hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ về công nghệ quốc tế chính là công cụ để các cường quốc đạt được độc quyền công nghệ cũng như kìm hãm sự phát triển của các nước nhỏ. Nó được thúc đẩy ẩn dưới những diễn ngôn để che giấu đi hành vi mang bản chất Thực dân mới. Những chính sách, điều khoản về sở hữu trí tuệ nói chung vốn là nên tạo ra môi trường an toàn để phát triển và sáng tạo, nay ngày càng bị thao túng và thúc đẩy nhằm đạt được những vụ lợi riêng của quốc gia mình.

⁷ Trở lại với trường hợp Nhật Bản, mặc dù trong những năm 1970 đã có sự phát triển vượt bậc, nhưng như đề cập phía trên, từ sau thời kỳ đó trở đi Nhật đã phát triển chậm lại và vị thế cũng giảm đi do hàng loạt các biện pháp kìm hãm về kinh tế thông qua cáo buộc áp dụng chính sách bảo hộ công nghiệp, trộm cắp tài sản sở hữu trí tuệ từ Mỹ.

Đặt để trong tình hình đó, các nước nhỏ mong muốn được phát triển có lẽ phải lựa chọn đi theo IPR như những bước đầu cho cơ hội tiếp cận, tích lũy kinh tế và công nghệ. Khi nhận được cơ hội đầu tư, các quốc gia cần phải vừa nỗ lực phát triển nguồn nhân lực sở tại, thúc đẩy công tác nghiên cứu, phát triển (R&D) vừa triển khai những chính sách phù hợp để dung hòa được lợi ích nội địa và các yêu cầu từ các nước phát triển. Sự khéo léo trong đàm phán và linh hoạt khi thi hành những điều khoản IPR là yếu tố quan trọng để tối ưu lợi ích quốc gia về lâu dài (Sikka, 1996). Đồng thời, các nước cũng phải có tầm nhìn dài hạn, nhất là trong các chính sách nhận đầu tư, nên chọn lọc, đa dạng các bên, tập trung vào những cơ hội đầu tư về công nghệ mà nước mình có khả năng nhận chuyển giao đầy đủ, thay vì tiếp nhận ồ ạt thiếu kiểm soát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Acquah, D. (n.d.). *Technical Assistance as a Hedge to Intellectual Property Exclusivity*.
- Alam, G. (1985). India's technology policy and its influence on technology imports and technology development. *Economic and political Weekly*, 2073-2080. <https://www.jstor.org/stable/4375032>
- Birnhack, M. (2021). A Post-Colonial Framework for Researching Intellectual Property History. In I. Calboli & M. L. Montagnani (Eds.), *Handbook of Intellectual Property Research* (1st ed., pp. 260–271). Oxford University Press Oxford. <https://doi.org/10.1093/oso/9780198826743.003.0017>
- Centre for International Governance Innovation. (2019, May 15). *Understanding the Intellectual Property Disputes between China and the United States*. Retrieved November 15, 2023, from <https://www.cigionline.org/articles/understanding-intellectual-property-disputes-between-china-and-united-states/>
- Draho, P., & Braithwaite, J. (2004). Hegemony Based on Knowledge: The Role of Intellectual Property. *Law in Context*, 21(1), 204–223. <https://search.informit.org/doi/10.3316/informit.154759180293640>
- El-Aroui, MA., Dellagi, S. & Abdelaziz, F.B. The Dilemma of Intellectual Property Agreements and R&D in Developing Economies: A Game Theory Approach. *J. Quant. Econ.* 19, 427–450 (2021). <https://doi.org/10.1007/s40953-021-00243-1>
- Finger, B. (2020). Unequal exchange: Key issues for the labor theory of value. *Critique*, 48(2–3), 169–187. <https://doi.org/10.1080/03017605.2020.1759206>
- Foster, J. B., McChesney, R. W., Jamil, R., Magdoff, F., Buck, M., & Yates, M. D. (2011, June 1). *The Internationalization of Monopoly Capital*. *Monthly Review*. Retrieved November 15, 2023, from <https://monthlyreview.org/2011/06/01/the-internationalization-of-monopoly-capital/>
- Gottheil, F. M. (1977). On an Economic Theory of Colonialism. *Journal of Economic Issues*, 11(1), 83–102. <http://www.jstor.org/stable/4224567>
- Hassink, R. (1997). Technology transfer infrastructures: some lessons from experiences in Europe, the US and Japan. *European Planning Studies*, 5(3), 351-370. <https://doi.org/10.1080/09654319708720404>
- Lowth, M. (2020, December 18). *The Future of Intellectual Property Rights – an End to Monopoly? – King's Student Law Review*. King's Blogs. Retrieved November

15, 2023, from <https://blogs.kcl.ac.uk/kslr/2020/12/18/the-future-of-intellectual-property-rights-an-end-to-monopoly/>

Menaldo, V., & Wittstock, N. (2020). Of Tiktok and tariffs : A historical and analytic perspective on Technology Transfer to China. <https://cpb-us-e1.wpmucdn.com/sites.uw.edu/dist/0/7926/files/2020/08/Menaldo-Wittstock-Political-Economy-Forum-Version.pdf>

Rahmatian, A. (2009). Neo-Colonial Aspects of Global Intellectual Property Protection. *The Journal of World Intellectual Property*, 12(1), 40–74. <https://doi.org/10.1111/j.1747-1796.2008.00349.x>

Santacreu, A. M. M. (2021). Intellectual Property Rights, Technology Transfer and International Trade. *SSRN Electronic Journal*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.3885234>

Sekalala, S., Forman, L., Hodgson, T., Mulumba, M., Namyalo-Ganafa, H., & Meier, B. M. (2021). Decolonising human rights: How intellectual property laws result in unequal access to the COVID-19 vaccine. *BMJ Global Health*, 6(7), e006169. <https://doi.org/10.1136/bmjgh-2021-006169>

Selwyn, B. (2021, November 12). *World Development under Monopoly Capitalism – Developing Economics*. Developing Economics. Retrieved November 15, 2023, from <https://developingeconomics.org/2021/11/12/world-development-under-monopoly-capitalism/>

Sikka, P. (1996). Indigenous development and acquisition of technology: an Indian perspective. *Technovation*, 16(2), 85-95. [https://doi.org/10.1016/0166-4972\(95\)00022-4](https://doi.org/10.1016/0166-4972(95)00022-4)

Tripathi, D. (1996). Colonialism and technology choices in India: a historical overview. *The Developing Economies*, 34(1), 80-97. <https://doi.org/10.1111/j.1746-1049.1996.tb00730.x>

United Nations Development Programme. (2015). *Good Practice Guide: Improving Access to Treatment with Flexibilities in TRIPS*. United Nations Development Programme. Retrieved November 15, 2023, from <https://www.undp.org/publications/good-practice-guide-improving-access-treatment-flexibilities-trips>

Young, S., & Lan, P. (1997). Technology transfer to China Through Foreign Direct Investment. *Regional Studies*, 31(7), 669–679. <https://doi.org/10.1080/00343409750130759>

Yu, P. K. (2021). The US-China Forced Technology Transfer Dispute. *Seton Hall L. Rev.*, 52, 1003.